

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
Bản án số 08 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 17 / 02 /2023
"V/v Ly hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyên
Các Hội thẩm nhân dân:

- [1] Bà Lê Thị Thận;
[2] Ông Phạm Thành Đô;

Thư ký phiên tòa: bà Mai Thị Chang - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 17 tháng 2 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, thụ lý số 270/2022/ TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn", Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05 /2023/QĐST – HNGĐ ngày 02 tháng 2 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Nguyễn V N; sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ : Thôn 2 , xã T, huyện B , tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: chị Lê TK L; sinh năm 1970 (Có mặt).

Địa chỉ : Thôn 2 , xã T, huyện B , tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 25/01/2022 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Nguyễn V N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và cô Lê TK L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997, đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn số 97, ngày 21/11/2007 tại UBND xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, những năm gần đây thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình, tôi mong được tự do, để không còn làm khổ vợ con và gia đình, tôi đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu được giải quyết ly hôn.

Về con chung: Đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ : Không có, không yêu cầu.

Bị đơn chị Lê TK L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý với lời trình bày của anh Nguyễn V N về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng là có, xuất phát từ kinh tế gia đình sau đó anh Nam thường xuyên bỏ nhà đi, hiện nay vợ chồng đang sống ly thân, nhưng tôi không đồng ý ly hôn, tôi xin lỗi anh Nam.

Về con chung: Đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ : Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1]Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: anh Nguyễn V N có đăng ký kết hôn với chị Lê TK L, nay anh Nam xin ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là “ Tranh chấp ly hôn”, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng anh Nguyễn V N và chị Lê TK L tự nguyện sống chung, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn và có đăng ký kết hôn, như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn V N và chị Lê TK L là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn gia đình: Quá trình sống chung, anh Nguyễn V N và chị Lê TK L đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, năm 2021 anh Nam đã nộp đơn xin ly hôn, sau đó xin rút đơn khởi kiện, Tòa án đã có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, nhưng sau đó mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra, vợ chồng đã sống ly thân, như vậy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, anh Nguyễn V N được ly hôn với chị Lê TK L.

[2]Về con chung: Đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3]Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4]Về nợ : Không có.

[5]Về án phí: anh Nguyễn V N nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, anh Nguyễn V N được ly hôn với chị Lê TK L.

[2] Về con chung: Đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ : Không có.

[5] Về án phí: anh Nguyễn V N nộp số tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000807 ngày 08/12/2022 (đã nộp xong).

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyến

